UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1725 /BC-SNNPTNT	*Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 4 năm 2024*

BÁO CÁO
Triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-BNNPTNT ngày 08/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố hiện trạng thuộc các lưu vực làm cơ sở thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi;

Thực hiện Công văn số 178/UBND-KTN ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Theo đề nghị của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tại Tờ trình số 124/TTr-QBVPTR ngày 05/4/2024 về việc cho phép thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trong năm 2024 đối với diện tích rừng thuộc các lưu vực thủy điện: Đồng Mít, Đăkre 2 và Nước Long thuộc huyện Ba Tơ.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với một số lưu vực thuỷ điện vừa được công bố, cụ thể như sau:

1. Kết quả triển khai:

Theo số liệu diện tích rừng thuộc 03 lưu vực thuỷ điện của tỉnh Quảng Ngãi được Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố tại Phụ lục 01 (ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-BNNPTNT ngày 08/01/2024) là 4.121 ha, bao gồm: (1) Nhà máy Thuỷ điện Đak Re 2 (lưu vực gồm tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum); (2) Nhà máy Thuỷ điện Nước Long (lưu vực gồm tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum); (3) Nhà máy Thuỷ điện Đồng Mít (lưu vực gồm tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định).

Theo đó, nội dung hoạt động tại kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 03/01/2024, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi đã đưa nhiệm vụ xây dựng bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng và xác định hệ số K cho từng lô rừng (gồm các lưu vực thuỷ điện: Long Sơn, ĐakRe 2 và Đồng Mít); thời gian dự kiến hoàn thành trong Quý IV để trình UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ

sở tính toán mức chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đối với diện tích rừng thuộc các lưu vực thuỷ điện nêu trên.

Đồng thời, rà soát từ nguồn chi phí quản lý năm 2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tiếp tục nhiệm vụ xây dựng bản đồ tại lưu vực thủy điện Nước Long để triển khai thực hiện chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng kịp thời trong năm 2024.

2. Một số vướng mắc:

Triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) trên địa bàn tỉnh; hiện nay, đối với diện tích rừng thuộc các lưu vực có đơn giá chi trả DVMTR lớn hơn **mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước**[1] thì các chủ rừng không sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để khoán bảo vệ rừng mà chỉ sử dụng duy nhất nguồn DVMTR; tuy nhiên, đối với những diện tích rừng tại các lưu vực có đơn giá chi trả DVMTR thấp hơn mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước thì các chủ rừng sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để khoán bảo vệ rừng và từ chối nhận nguồn tiền DVMTR vì sợ trùng lặp.

Lý do:

(1) Tại Thông tư số 12/2022/BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. Theo đó, tại khoản 2 Điều 3 quy định:

*"2. Thực hiện hoạt động về lâm nghiệp theo đúng phạm vi của Chương trình và Tiểu dự án 1, đảm bảo **không trùng lặp** với hoạt động, kinh phí đã được bố trí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác"*

Tuy nhiên, ngày 26/4/2023 Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ; theo đó, tại **điểm b, c, đ Khoản 6 Điều 1** đã sửa đổi, bổ sung như sau:

*"b) Lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia chỉ thực hiện trong trường hợp **có sự trùng lặp đồng thời về nội dung, đối tượng và phạm vi, địa bàn thực hiện**. Việc lồng ghép phải đảm bảo không làm thay đổi các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình*";

"*c) **Ưu tiên lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án khác không thuộc chương trình mục tiêu quốc gia** nhưng có cùng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, nội dung hoạt động và được thực hiện trên cùng một địa bàn cấp huyện, cấp xã để phát huy hiệu quả của các chương trình mục tiêu quốc gia. Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc*

---

[1] *Mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước: (1) Từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 400.000 đồng/ha/năm; (2) từ Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững là 300.000 đồng/ha/năm.*

gia không thuộc vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định".

"đ) ***Lấy nội dung, hoạt động, dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia làm trọng tâm*** *để thực hiện việc lồng ghép nguồn vốn. Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lồng ghép.* ***Thực hiện thống nhất định mức*** *chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép;*

(2) Theo Điều 10 Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định:

"2. Định mức chi phí nhân công tuần tra bảo vệ rừng từ 7,28 - 8,03 công/ha/năm (tính bình quân 01 ngày công 200.000 đồng thì công tuần tra bảo vệ rừng 1.456.000 – 1.606.000 đồng/ha/năm).

Tuy nhiên, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ rừng hiện nay (300.000 đồng và 400.000 đồng/ha/năm), là chưa đảm bảo (rất thấp) so với **định mức nhân công bảo vệ rừng**.

Do đó, căn cứ vào những cơ sở pháp lý nêu trên, việc triển khai xây dựng kế hoạch bảo vệ rừng các chủ rừng phải thực hiện việc lồng ghép nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án có cùng mục tiêu, trên cùng một đối tượng, cùng một địa bàn, cùng với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm đang hỗ trợ cho công tác bảo vệ rừng để đảm bảo định mức nhân công bảo vệ rừng, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống cho người dân trực tiếp tham gia nhận khoán bảo vệ rừng là hết sức cần thiết, góp phần ổn định tình hình kinh tế - chính trị, trật tự và an toàn xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng tại địa bàn miền núi là hết sức cần thiết.

3. Một số kiến nghị:

Qua phân tích những căn cứ pháp lý nêu trên và thực tiễn công tác giao khoán bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị UBND tỉnh có văn bản kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, trả lời cho địa phương một số nội dung như sau:

(1) Đối với diện tích rừng đang được nhà nước hỗ trợ giao khoán bảo vệ rừng từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội hoặc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững thì có được thực hiện lồng ghép nguồn kinh phí từ các **chương trình, dự án khác**[2] có cùng mục tiêu bảo vệ, trên cùng một đối tượng, cùng một địa bàn để đảm bảo định mức nhân công bảo vệ rừng theo quy định hay không?

(2) Việc lồng ghép theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay thực hiện như thế nào để thống nhất với nội dung tại điểm **đ Khoản 6 Điều 1** Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định "*Lấy nội dung, hoạt động, dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia làm trọng tâm để thực hiện việc lồng ghép*

[2] Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng,…)

nguồn vốn. Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lồng ghép. Thực hiện thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép" để áp dụng lồng ghép đối với nội dung hỗ trợ giao khoán bảo vệ rừng thuộc Tiểu dự án 1 – Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Phòng KH-TC Sở;
- Quỹ BVPTR;
- Lưu: VT,KHTC$_{\text{Thuỷ}}$.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Hồ Trọng Phương